

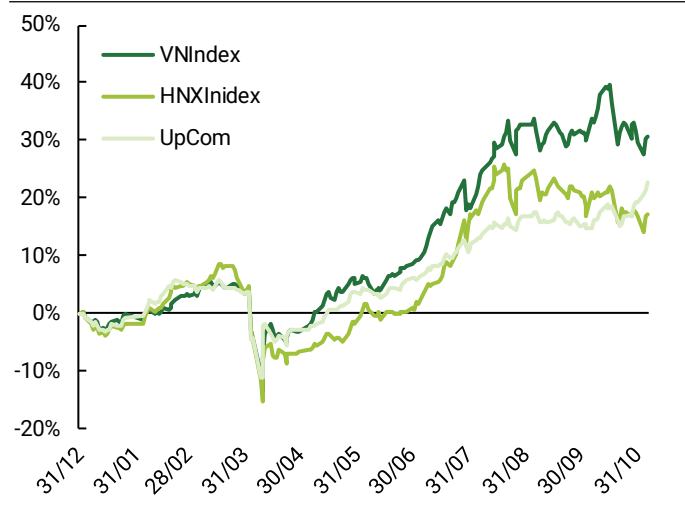
**VN-Index** **1654.89 (0.18%)**  
697 Tr. cổ phiếu 20279.7 Tỷ VND (-41.00%)

**HNX-Index** **266.7 (0.30%)**  
88 Tr. cổ phiếu 1973.1 Tỷ VND (-32.39%)

**UPCOM-Index** **116.5 (1.06%)**  
25 Tr. cổ phiếu 625.3 Tỷ VND (-42.24%)

**VN30F1M** **1886.00 (-0.63%)**  
291,376 HD OI: 36,311 HD

## % Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1654.9, tăng 2.9 điểm (+0.18%). Thanh khoản sụt giảm mạnh với độ rộng nghiêng về bên bán.
- Điểm nhấn trong phiên:** Dòng tiền luân chuyển ở nhóm vốn lớn hỗ trợ đà tăng cho chỉ số, nổi bật ở nhóm Ngân hàng quốc doanh. Đối với nhóm Midcap, giao dịch tích cực ghi nhận ở nhóm Dầu khí, Phân bón.  
Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Ngân hàng: CTG (+2.7%), BID (+2.0%) | Bất động sản: VIC (+2.7%), NVL (+2.6%) | Dầu khí: PVD (+5.9%), BSR (+3.1%) | Tiện ích: GAS (+4.1%), POW (+3.2%) | Thực phẩm đồ uống: PAN (+2.5%), HAG (+2.1%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu trong phiên: Dịch vụ tài chính: ORS (-3.0%), VCI (-3.0%), VIX (-2.9%) | Xây dựng và Vật liệu: CII (-4.0%), VCG (-2.8%) | Tài nguyên Cơ bản: KSB (-2.2%), HPG (-1.7%) | Công nghệ: FPT (-2.3%).  
Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, CTG, GAS, VCB, BID - Chiều giảm | TCB, FPT, HPG, VHM, MWG  
Khối ngoại Bán ròng gần 800 tỷ, tập trung nhiều ở TCB, VRE, GEX, STB, VCB, trong khi mua ròng MSN, DXG, FPT.

## GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến lưỡng lự. Thanh khoản toàn thị trường sụt giảm mạnh sau phiên hồi phục hôm qua, hàm ý lực cầu mua lên vùng giá cao còn thận trọng. Chỉ số cũng đang tiếp cận khu vực cản quanh ngưỡng 1660 - 1680 trong chiều hồi phục nên trạng thái giằng co có lẽ còn tiếp diễn. Hỗ trợ gần được nâng lên mức 1620 điểm, nếu xuất hiện tín hiệu đảo chiều dưới ngưỡng này, rủi ro kiểm định mốc 1600 có thể trở lại.
- Đối với HNX-Index**, khớp lệnh cũng giảm mạnh cho thấy xu hướng lưỡng lự. Chỉ số đang tiếp cận khu vực cản trong chiều hồi phục quanh ngưỡng 265 – 270 nên sự giằng co vẫn sẽ còn chi phối. Hỗ trợ gần được nâng lên mức 260.
- Chiến lược chung:** Chưa vội hưng phấn, nhịp hồi nghiêng về cơ cấu cho các vị thế chưa kịp xử lý trước đó. Ở chiều mua mới, NĐT có thể theo dõi khả năng tạo đáy thứ hai ở các nhóm ngành, cổ phiếu quay về kiểm định tốt hỗ trợ, nổi bật như: Dầu khí, Xuất khẩu, Tiện ích, Công nghệ. Tỷ trọng chung được duy trì ở mức trung bình, hạn chế dùng đòn bẩy cao giai đoạn hiện tại. Ở chiều thận trọng, chủ động hạ thêm vị thế nếu chỉ số có dấu hiệu lùi về dưới ngưỡng 1620 điểm lần nữa.

## CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Mua PLX (Xem tiếp tại trang 7)

### Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

| Chỉ số               | Giá đóng cửa |        |        |        | % Thay đổi     |                    |                     |                | Giá trị giao dịch (Tỷ VND) | % Biến động giá trị giao dịch so với |                     |   | Khối lượng giao dịch (Triệu CP) | % Biến động khối lượng giao dịch so với |        |  |
|----------------------|--------------|--------|--------|--------|----------------|--------------------|---------------------|----------------|----------------------------|--------------------------------------|---------------------|---|---------------------------------|-----------------------------------------|--------|--|
|                      |              | (%) 1D | (%) 1W | (%) 1M | 01 phiên trước | Trung bình 01 tuần | Trung bình 01 tháng | 01 phiên trước |                            | Trung bình 01 tuần                   | Trung bình 01 tháng |   |                                 |                                         |        |  |
| Theo chỉ số          |              |        |        |        |                |                    |                     |                |                            |                                      |                     |   |                                 |                                         |        |  |
| VN-Index             | 1,654.9      | 👉      | 0.2%   | -1.8%  | 0.6%           | 20,279.7           | ▼                   | -41.0%         | -21.3%                     | -17.6%                               | 697.5               | ▼ | -44.1%                          | -22.5%                                  | -19.1% |  |
| HNX-Index            | 266.7        | 👉      | 0.3%   | -0.5%  | 0.4%           | 1,973.1            | ▼                   | -32.4%         | 8.0%                       | -7.4%                                | 88.2                | ▼ | -32.8%                          | -3.9%                                   | -11.7% |  |
| UPCOM-Index          | 116.5        | 👈      | 1.1%   | 3.4%   | 6.9%           | 625.3              | ▼                   | -42.2%         | -24.5%                     | 34.3%                                | 25.2                | ▼ | -37.7%                          | -50.3%                                  | -52.2% |  |
| VN30                 | 1,886.5      | ▼      | -0.6%  | -3.2%  | 1.4%           | 10,944.4           | ▼                   | -38.3%         | -23.0%                     | -15.1%                               | 265.4               | ▼ | -45.2%                          | -37.2%                                  | -23.0% |  |
| VNMID                | 2,323.3      | ▼      | -0.9%  | -3.2%  | -3.0%          | 7,759.9            | ▼                   | -43.3%         | -16.2%                     | -18.6%                               | 303.6               | ▼ | -42.1%                          | -9.8%                                   | -17.7% |  |
| VNSML                | 1,526.9      | ▼      | -1.0%  | -1.1%  | -2.0%          | 998.7              | ▼                   | -52.4%         | -45.1%                     | -35.8%                               | 62.3                | ▼ | -56.1%                          | -45.4%                                  | -43.3% |  |
| Theo ngành (VNIndex) |              |        |        |        |                |                    |                     |                |                            |                                      |                     |   |                                 |                                         |        |  |
| Ngân hàng            | 636.9        | 👉      | 0.1%   | -0.18% | -3.1%          | 4,680.3            | ▼                   | -44.5%         | -31.9%                     | -49.2%                               | 166.9               | ▼ | -50.9%                          | -40.0%                                  | -52.7% |  |
| Bất động sản         | 625.9        | 👉      | 0.8%   | -5.6%  | 7.8%           | 2,948.5            | ▼                   | -43.4%         | -38.9%                     | -57.4%                               | 111.4               | ▼ | -52.8%                          | -39.3%                                  | -50.7% |  |
| Dịch vụ tài chính    | 326.1        | ▼      | -1.6%  | -1.2%  | -6.5%          | 2,926.0            | ▼                   | -52.8%         | -36.1%                     | -47.2%                               | 100.9               | ▼ | -55.0%                          | -38.6%                                  | -43.9% |  |
| Công nghiệp          | 269.5        | ▼      | -1.3%  | -2.3%  | 10.2%          | 1,091.0            | ▼                   | -47.1%         | -51.9%                     | -53.1%                               | 29.8                | ▼ | -42.3%                          | -43.7%                                  | -39.1% |  |
| Tài nguyên cơ bản    | 524.7        | ▼      | -1.5%  | 0.3%   | -2.5%          | 960.5              | ▼                   | -30.7%         | -16.0%                     | -45.2%                               | 43.6                | ▼ | -29.5%                          | -13.9%                                  | -39.6% |  |
| Xây dựng - Vật Liệu  | 190.9        | ▼      | -0.6%  | 0.0%   | 1.0%           | 842.2              | ▼                   | -63.0%         | -48.1%                     | -56.3%                               | 33.8                | ▼ | -64.2%                          | -48.5%                                  | -55.3% |  |
| Thực phẩm            | 549.4        | 👉      | 0.3%   | 1.5%   | 0.5%           | 1,733.3            | ▼                   | -21.4%         | 4.5%                       | -24.5%                               | 45.8                | ▼ | -22.3%                          | -2.6%                                   | -11.9% |  |
| Bán Lẻ               | 1,470.3      | ▼      | -1.5%  | -2.6%  | 7.3%           | 566.6              | ▼                   | -60.7%         | -41.8%                     | -47.4%                               | 8.1                 | ▼ | -57.9%                          | -35.8%                                  | -44.2% |  |
| Công nghệ            | 533.7        | ▼      | -2.2%  | 1.1%   | 9.8%           | 1,380.2            | ▼                   | -26.8%         | -15.2%                     | 1.8%                                 | 14.8                | ▼ | -27.3%                          | -17.8%                                  | -9.5%  |  |
| Hóa chất             | 172.9        | 👈      | 1.2%   | 2.9%   | 4.9%           | 802.6              | 👈                   | 2.9%           | 14.5%                      | 45.1%                                | 26.7                | 👈 | 17.2%                           | 27.4%                                   | 56.5%  |  |
| Tiện ích             | 664.0        | 👈      | 2.2%   | 1.2%   | 0.1%           | 377.8              | 👈                   | 34.5%          | 23.8%                      | 19.9%                                | 18.3                | 👈 | 47.1%                           | 33.1%                                   | 30.9%  |  |
| Dầu khí              | 76.5         | 👈      | 3.3%   | 2.2%   | 2.6%           | 1,113.5            | 👈                   | 86.6%          | 163.7%                     | 163.7%                               | 47.5                | 👈 | 67.2%                           | 138.7%                                  | 179.7% |  |
| Dược phẩm            | 427.6        | 👉      | 0.2%   | -0.7%  | -0.2%          | 80.1               | ▼                   | -46.4%         | -15.9%                     | 14.0%                                | 2.4                 | ▼ | -43.8%                          | -34.8%                                  | -17.3% |  |
| Bảo hiểm             | 90.3         | ▼      | -0.2%  | 7.5%   | 1.9%           | 81.3               | ▼                   | -6.5%          | 13.4%                      | 89.6%                                | 2.6                 | ▼ | -3.8%                           | 0.3%                                    | 73.0%  |  |

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

### Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

| Chỉ số              | Thị trường  | Giá đóng cửa | % Thay đổi giá |        | Chỉ số định giá |      |
|---------------------|-------------|--------------|----------------|--------|-----------------|------|
|                     |             |              | 1 ngày         | YTD    | P/E             | P/B  |
| VN-Index            | Việt Nam    | 1,654.9      | 0.2%           | 30.6%  | 16.0x           | 2.0x |
| SET-Index           | Thái Lan    | 1,295        | -0.3%          | -7.5%  | 16.6x           | 1.2x |
| JCI-Index           | Indonesia   | 8,319        | 0.9%           | 17.5%  | 22.3x           | 2.2x |
| FTSE Bursa Malaysia | Malaysia    | 12,049       | -0.04%         | -4.3%  | 16.0x           | 1.4x |
| PSEi Index          | Phillipines | 5,818        | -0.8%          | -10.9% | 10.0x           | 1.2x |
| Shanghai Composite  | Trung Quốc  | 3,969        | 0.2%           | 18.4%  | 19.0x           | 0.0x |
| Hang Seng           | Hồng Kông   | 25,935       | -0.1%          | 29.3%  | 12.7x           | 1.4x |
| Nikkei 225          | Nhật Bản    | 50,212       | -2.5%          | 25.9%  | 23.0x           | 2.7x |
| S&P 500             | Mỹ          | 6,772        | -1.2%          | 15.1%  | 28.2x           | 5.5x |
| Dow Jones           | Mỹ          | 47,085       | -0.5%          | 10.7%  | 23.3x           | 5.0x |
| FTSE 100            | Anh         | 9,704        | -0.1%          | 18.7%  | 14.7x           | 2.3x |
| Euro Stoxx 50       | Châu Âu     | 5,622        | -0.7%          | 14.8%  | 17.4x           | 2.4x |
| DXV                 |             | 100          | 0.37%          | -7.6%  |                 |      |
| USDVND              |             | 26,320       | 0.004%         | 3.3%   |                 |      |

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

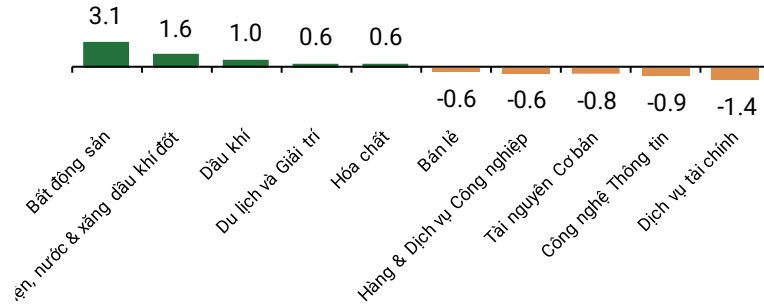
### Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

| Giá/ Chỉ số hàng hóa      |  | % Thay đổi giá |        |        |        |
|---------------------------|--|----------------|--------|--------|--------|
|                           |  | 1D             | 1M     | % YTD  | % YoY  |
| Dầu Brent                 |  | 0.7%           | 0.5%   | -13.1% | -14.1% |
| Dầu WTI                   |  | -0.1%          | 0.2%   | -14.9% | -15.3% |
| Khí gas                   |  | -1.1%          | 27.0%  | 16.2%  | 58.1%  |
| Than cốc (*)              |  | 3.4%           | 10.8%  | -4.3%  | -14.9% |
| Thép HRC (*)              |  | -1.2%          | -2.6%  | -5.0%  | -8.0%  |
| PVC (*)                   |  | 0.4%           | -2.3%  | -7.6%  | -12.9% |
| Phân Urea (*)             |  | 4.7%           | 0.8%   | 12.1%  | 15.7%  |
| Cao su thiên nhiên        |  | -1.6%          | -1.6%  | -14.8% | -14.4% |
| Bông Cotton               |  | -1.0%          | 3.4%   | -4.9%  | -7.0%  |
| Đường                     |  | -3.3%          | -14.0% | -26.5% | -35.3% |
| World Container Index     |  | 4.3%           | 9.1%   | -52.1% | -43.3% |
| Baltic Dirty tanker Index |  | 3.6%           | 30.1%  | 52.5%  | 49.8%  |
| Vàng                      |  | -0.9%          | 2.1%   | 51.1%  | 44.6%  |
| Bạc                       |  | -0.7%          | -0.5%  | 65.3%  | 46.3%  |

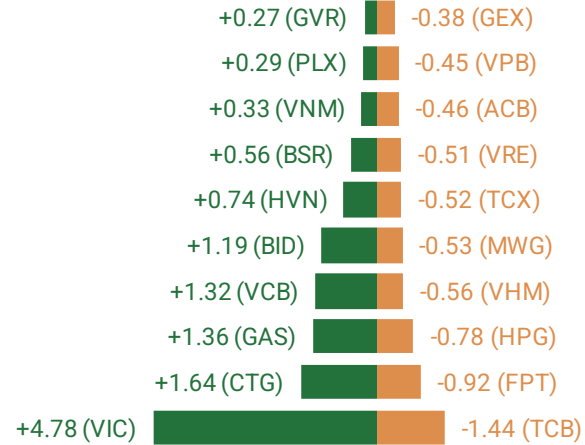
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (\*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

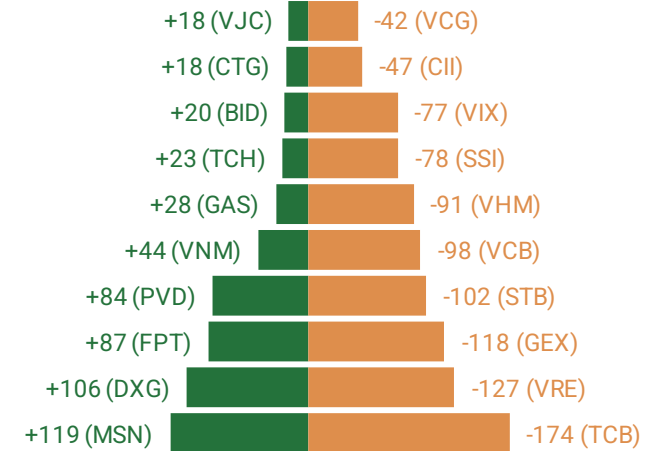


### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

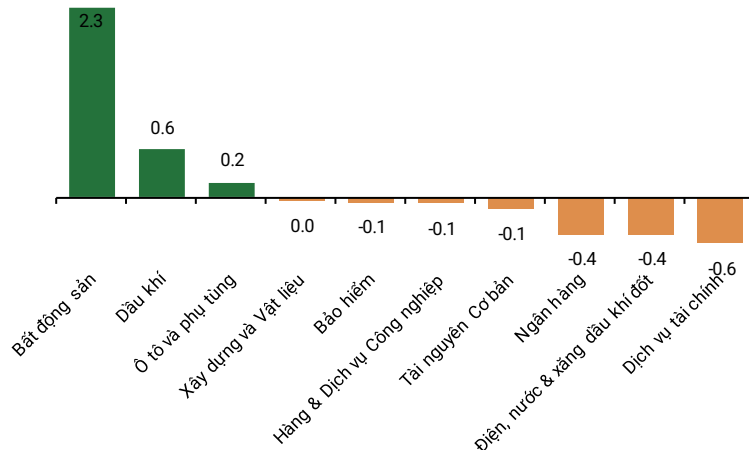


## BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

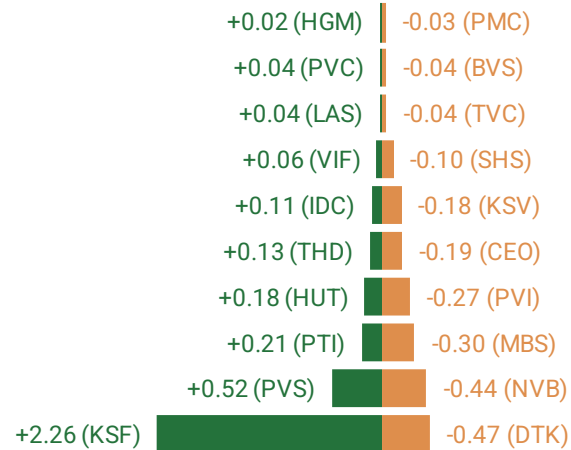
### TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



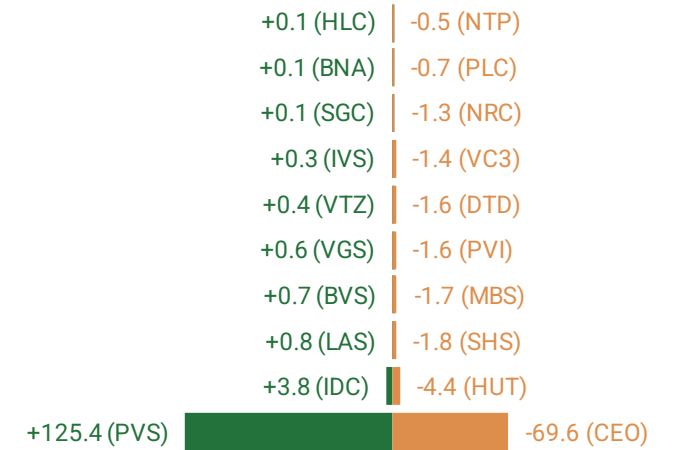
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



**TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX**



|         | FPT   | SSI   | VIX   | PVD  | MSN  |
|---------|-------|-------|-------|------|------|
| %DoD    | -2.3% | 0.4%  | -2.9% | 5.9% | 0.3% |
| Giá trị | 1,188 | 1,055 | 876   | 781  | 710  |

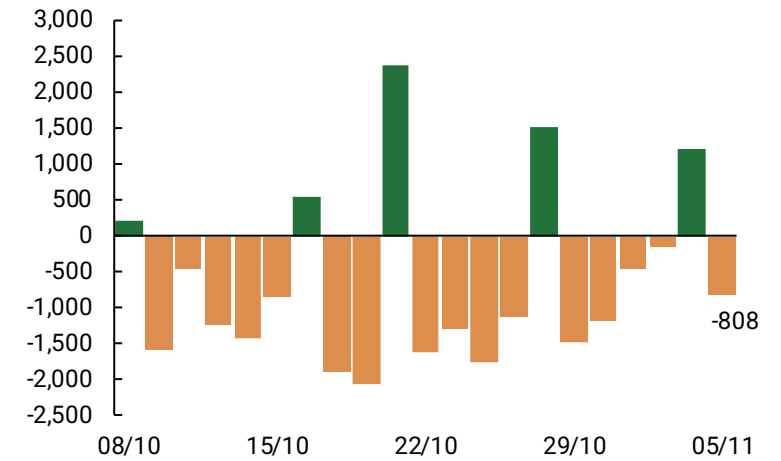
**TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX**



|         | STB   | FPT   | VHM   | ACB   | OCB   |
|---------|-------|-------|-------|-------|-------|
| %DoD    | -0.7% | -2.3% | -0.6% | -1.5% | -1.2% |
| Giá trị | 471   | 160   | 113   | 104   | 101   |

**BẢN TIN CHỨNG KHOÁN**  
**THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ**

**GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)**



**TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX**



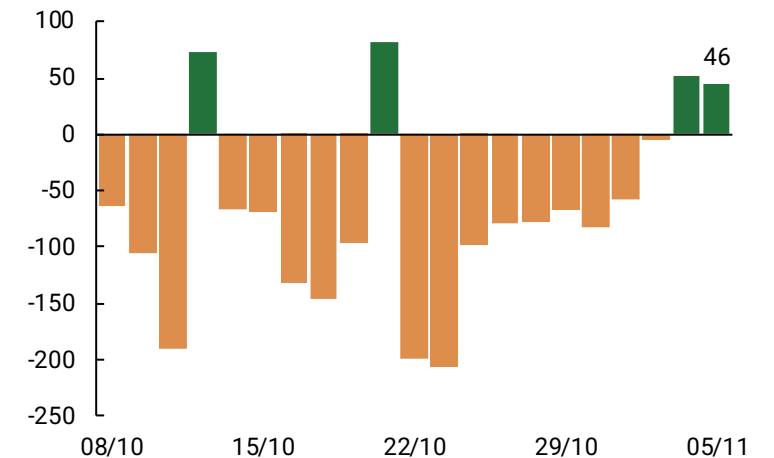
|         | PVS  | SHS   | CEO   | HUT  | MBS   |
|---------|------|-------|-------|------|-------|
| %DoD    | 5.9% | -0.9% | -2.4% | 1.7% | -2.6% |
| Giá trị | 567  | 434   | 303   | 126  | 70    |

**TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX**



|         | HUT  | NFC  | PVS  | LAS  | IDV   |
|---------|------|------|------|------|-------|
| %DoD    | 1.7% | 0.0% | 5.9% | 3.6% | -0.4% |
| Giá trị | 46   | 11   | 10   | 8    | 1     |

**GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)**





### Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Spinning top, vol giảm mạnh.
- ✓ Hỗ trợ: 1600 – 1620.
- ✓ Kháng cự: 1680 – 1700.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI cải thiện chưa rõ ràng.
- ✓ Xu hướng: Kiểm định vùng 1600 - 1700.

**Kịch bản:** Chỉ số trở lại giằng co trong biên độ thu hẹp. Thanh khoản cũng sụt giảm mạnh hàm ý lực cầu mua lên vùng giá cao thận trọng hơn. Khu vực quanh 1660 – 1680 cũng đang là vùng cản gần trong chiều hồi phục nên sự lưỡng lự có lẽ còn chi phối. **Cần thêm nến tăng đóng cửa trên ngưỡng 1680 điểm để xác nhận cho đà phục hồi.** Trường hợp Vn-Index gặp khó khăn tại cản, rủi ro quay về kiểm định mốc 1600 điểm vẫn hiện hữu.



### Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Spinning top, vol giảm mạnh.
- ✓ Hỗ trợ: 1850 - 1900.
- ✓ Kháng cự: 1950 - 1960.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI cải thiện chưa rõ ràng.
- ✓ Xu hướng: Kiểm định vùng 1850 - 1950.

➔ VN30 hạ nhiệt và trở lại lưỡng lự trong biên độ hẹp. Thanh khoản cũng giảm mạnh phản ánh tâm lý thận trọng đang chi phối. **Cần thêm nến tăng đóng cửa trên ngưỡng 1930 điểm để xác nhận cho đà phục hồi.** Ngược lại, trạng thái vẫn nghiêng về giằng co. Nếu lực cầu tiếp tục suy yếu, không loại trừ khả năng chỉ số quay về kiểm định lại ngưỡng 1850 lần nữa.

| STOCK    |                          | STRATEGY | Technical     |       |      | Financial Ratio  |              |      |
|----------|--------------------------|----------|---------------|-------|------|------------------|--------------|------|
| Ticker   | PLX                      | BUY      | Current price |       | 35.2 | P/E (x)          | 21.2         |      |
|          |                          |          | Action price  | 06/11 | 35.2 | P/B (x)          | 1.8          |      |
| Exchange | HOSE                     |          |               |       |      | EPS              | 1661.4       |      |
|          |                          |          | Target price  |       | 39   | 10.8%            | ROE          | 8.2% |
| Sector   | Exploration & Production |          | Cut loss      |       | 33   | -6.3%            | Stock Rating | BBB  |
|          |                          |          |               |       |      | Scale Market Cap | Medium       |      |



### TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá phục hồi và có xu hướng thiết lập nền giá mới trên MA20 ngày.
  - Thanh khoản gia tăng cho thấy dòng tiền quay trở lại.
  - Chỉ báo MACD duy trì trên đường tín hiệu và trở lại miền dương, cùng với RSI cải thiện lên mức trên trung bình 50, hàm ý động lượng tăng cải thiện.
  - Khu vực 34 đã được kiểm định giữ vai trò hỗ trợ tốt.
- ➔ Xu hướng kỳ vọng tạo đáy và trở lại quán tính tăng.
- ➔ Khuyến nghị Mua quanh giá hiện tại hoặc tận dụng rung lắc trong phiên.

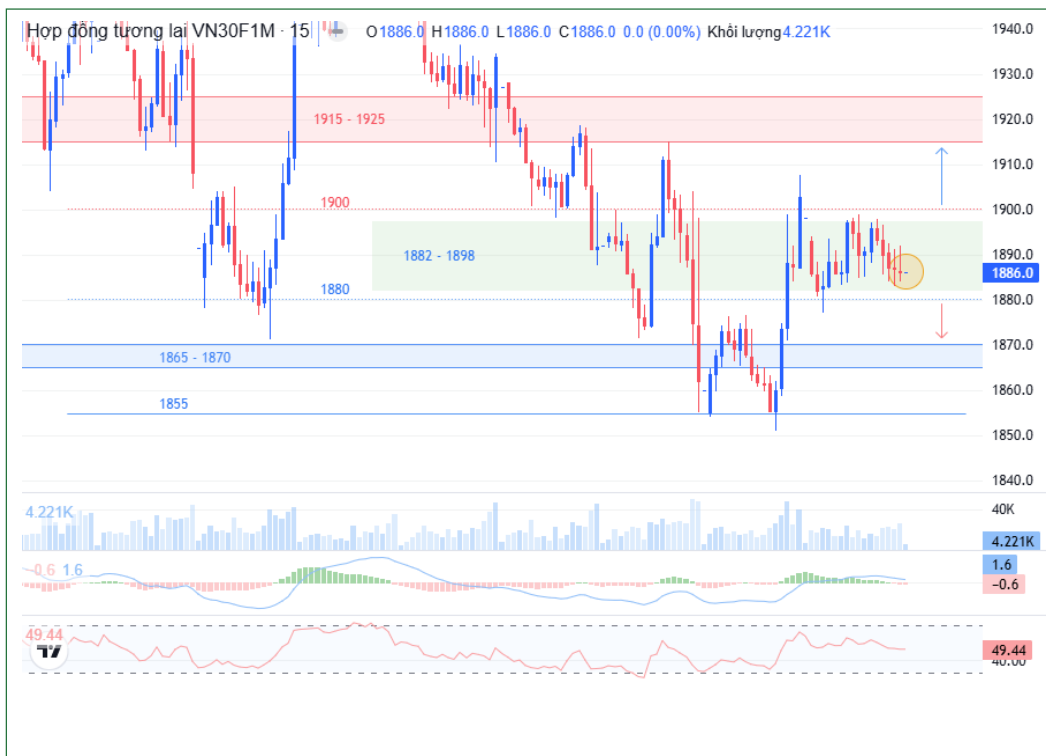
### Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN kỳ vọng | Giá cắt lỗ | Rủi ro giảm | Ghi chú          |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|-------------|------------------|
| 1   | PLX   | Mua         | 06/11/2025       | 35.2         | 35.2          | 0.0%           | 39.0         | 10.8%      | 33         | -6.3%       | Tín hiệu tạo đáy |

### Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Ngày cập nhật khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN kỳ vọng | Giá cắt lỗ | Rủi ro giảm | Ghi chú |
|-----|-------|-------------|------------------|---------------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|-------------|---------|
| 1   | FRT   | Mua         | 30/10/2025       | -                         | 143.00       | 145.0         | -1.4%          | 162.0        | 11.7%      | 137.0      | -5.5%       |         |
| 2   | CTR   | Mua         | 30/10/2025       | -                         | 90.50        | 91.8          | -1.4%          | 102.0        | 11.1%      | 85.0       | -7.4%       |         |
| 3   | CMG   | Mua         | 04/11/2025       | -                         | 39.30        | 40.40         | -2.7%          | 46.0         | 13.9%      | 37.5       | -7.2%       |         |





### Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1886, giảm 12 điểm (-0.6%). Thanh khoản giảm so với phiên trước và dưới mức bình quân 20 phiên. Vận động trong phiên nghiêng về biến động đi ngang.
- Ở đồ thị 15p**, chỉ báo MACD đã cắt xuống đường tín hiệu, cùng với RSI hạ nhiệt về dưới mức trung bình 50, hàm ý áp lực điều chỉnh đang chiếm ưu thế hơn. Dù vậy, nên chờ giá xác nhận thoát hẳn khỏi khung dao động 1885 – 1895 xu hướng sẽ rõ ràng hơn. Vị thế Short cần nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1880. Vị thế Long có thể tham gia khi giá bứt phá và củng cố trên ngưỡng 1900.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1804, giảm 12.7 điểm (-0.7%). Độ lệch basis 1.5 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 82 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1800, trong khi kháng cự trong chiều hồi phục là ngưỡng 1820.

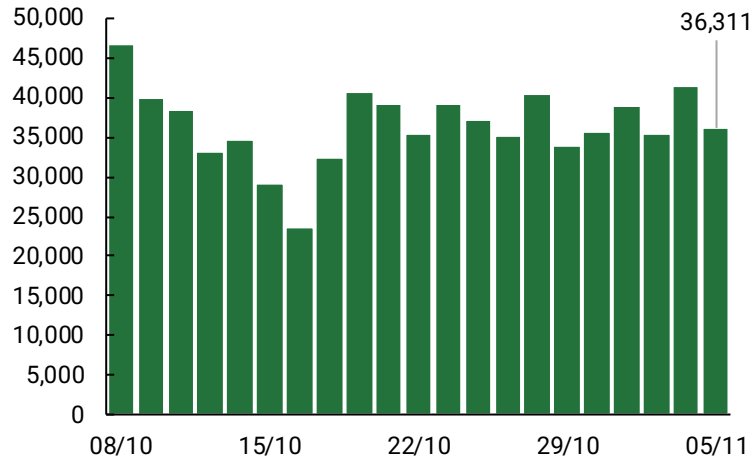
### Chiến lược giao dịch trong ngày

| Vị thế       | Điểm vào | Chốt lời | Cắt lỗ | Lợi nhuận/<br>Rủi ro |
|--------------|----------|----------|--------|----------------------|
| <b>Short</b> | < 1.880  | 1.870    | 1.887  | 10 : 07              |
| <b>Long</b>  | > 1.900  | 1.914    | 1.890  | 14 : 10              |

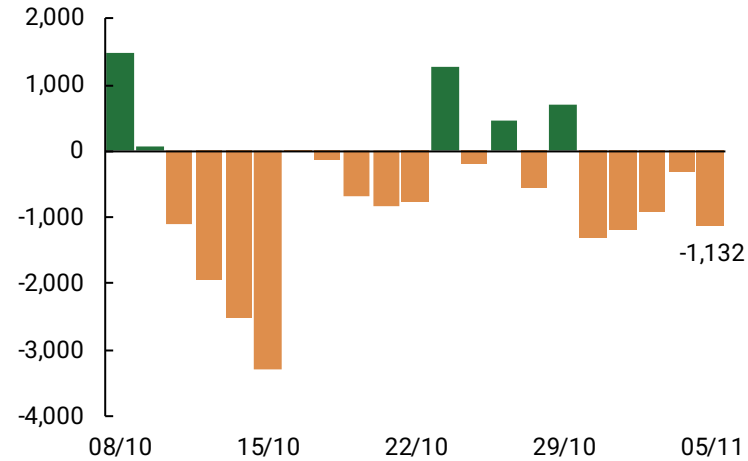
### Thông kê hợp đồng tương lai

| Mã hợp đồng | Giá đóng cửa | Thay đổi (điểm) | KL giao dịch | KL Mở  | Giá lý thuyết | Chênh lệch | Ngày thanh toán | Thời hạn còn lại (ngày) |
|-------------|--------------|-----------------|--------------|--------|---------------|------------|-----------------|-------------------------|
| 41I1G6000   | 1,880.0      | -3.0            | 22           | 133    | 1,898.1       | -18.1      | 18/06/2026      | 225                     |
| 41I1G3000   | 1,882.1      | -1.7            | 76           | 263    | 1,893.4       | -11.3      | 19/03/2026      | 134                     |
| VN30F2512   | 1,884.1      | -11.2           | 561          | 3,833  | 1,888.7       | -4.6       | 18/12/2025      | 43                      |
| 41I1FB000   | 1,886.0      | -12.0           | 291,376      | 36,311 | 1,887.2       | -1.2       | 20/11/2025      | 15                      |
| 41I2FB000   | 1,804.1      | -12.7           | 82           | 80     | 1,803.3       | 0.8        | 20/11/2025      | 15                      |

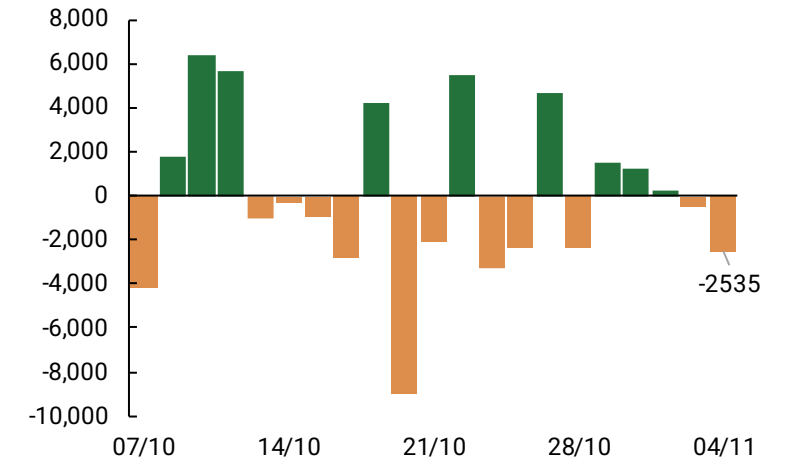
**Khối lượng mở (Open interest)**



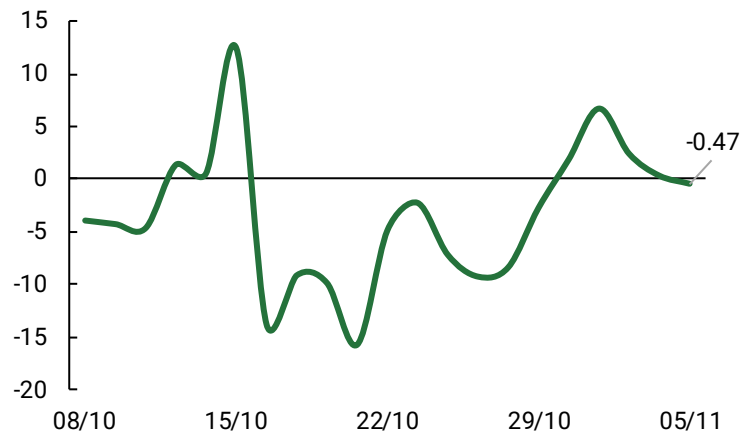
**Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)**



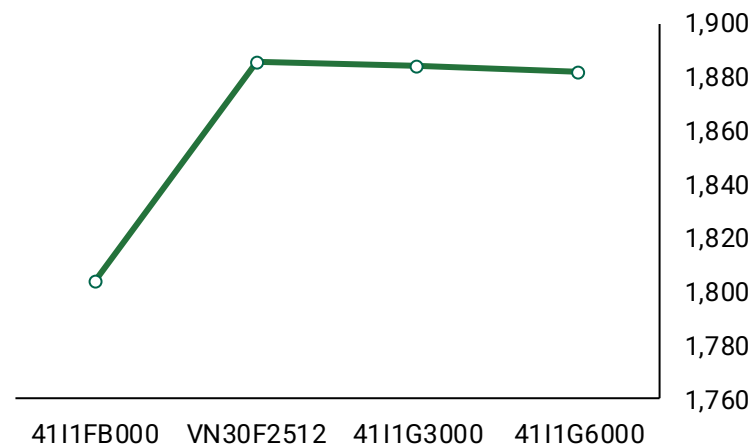
**Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)**



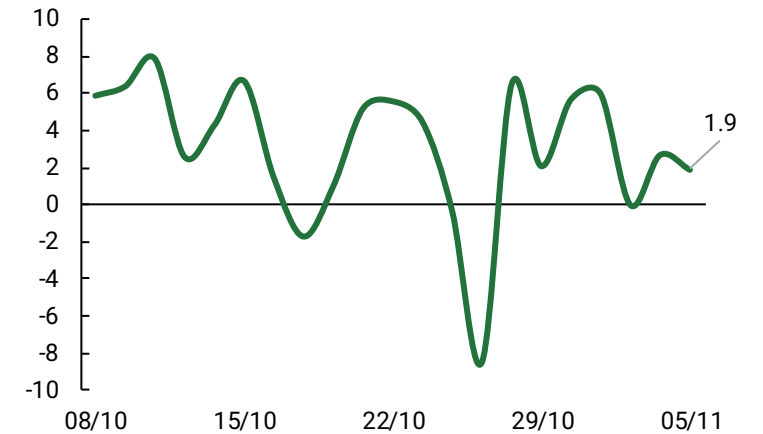
**Basis hợp đồng tương lai**



**Đường cong hợp đồng tương lai**



**VN30F1M - VN30F2M**



| Mã CK | Thị giá | Giá hợp lý * | Upside/<br>Downside | Khuyến nghị   |
|-------|---------|--------------|---------------------|---------------|
| AST   | 72,000  | 65,400       | -9.2%               | Giảm tỷ trọng |
| BCM   | 67,200  | 74,500       | 10.9%               | Tăng tỷ trọng |
| CTD   | 96,800  | 92,400       | -4.5%               | Giảm tỷ trọng |
| CTI   | 22,750  | 27,200       | 19.6%               | Tăng tỷ trọng |
| DBD   | 52,600  | 68,000       | 29.3%               | Mua           |
| DDV   | 30,228  | 35,500       | 17.4%               | Tăng tỷ trọng |
| DGC   | 95,000  | 102,300      | 7.7%                | Nắm giữ       |
| DGW   | 39,800  | 48,000       | 20.6%               | Mua           |
| DPR   | 38,050  | 41,500       | 9.1%                | Nắm giữ       |
| DRI   | 11,702  | 18,000       | 53.8%               | Mua           |
| EVF   | 12,600  | 14,400       | 14.3%               | Tăng tỷ trọng |
| FRT   | 143,000 | 135,800      | -5.0%               | Giảm tỷ trọng |
| GMD   | 67,000  | 72,700       | 8.5%                | Nắm giữ       |
| HAH   | 60,900  | 67,600       | 11.0%               | Tăng tỷ trọng |
| HDG   | 30,900  | 33,800       | 9.4%                | Nắm giữ       |
| HHV   | 14,100  | 12,600       | -10.6%              | Bán           |
| HPG   | 26,300  | 12,600       | -52.1%              | Bán           |
| IMP   | 48,850  | 55,000       | 12.6%               | Tăng tỷ trọng |

| Mã CK | Thị giá | Giá hợp lý * | Upside/<br>Downside | Khuyến nghị   |
|-------|---------|--------------|---------------------|---------------|
| MBB   | 23,900  | 22,700       | -5.0%               | Giảm tỷ trọng |
| MSH   | 38,000  | 47,100       | 23.9%               | Mua           |
| MWG   | 80,200  | 92,500       | 15.3%               | Tăng tỷ trọng |
| NLG   | 37,600  | 39,950       | 6.3%                | Nắm giữ       |
| NT2   | 24,100  | 27,400       | 13.7%               | Tăng tỷ trọng |
| PHR   | 54,900  | 72,800       | 32.6%               | Mua           |
| PNJ   | 91,400  | 95,400       | 4.4%                | Nắm giữ       |
| PVT   | 18,000  | 18,900       | 5.0%                | Nắm giữ       |
| SAB   | 46,200  | 59,900       | 29.7%               | Mua           |
| TLG   | 52,300  | 59,700       | 14.1%               | Tăng tỷ trọng |
| TCB   | 34,100  | 35,650       | 4.5%                | Nắm giữ       |
| TCM   | 28,100  | 38,400       | 36.7%               | Mua           |
| TRC   | 77,600  | 94,500       | 21.8%               | Mua           |
| VCG   | 24,200  | 26,200       | 37.8%               | Mua           |
| VHC   | 58,700  | 60,000       | 6.7%                | Nắm giữ       |
| VNM   | 58,000  | 66,650       | 12.7%               | Tăng tỷ trọng |
| VSC   | 21,600  | 17,900       | 18.4%               | Tăng tỷ trọng |

\* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

- 03/11 Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
- 05/11 Việt Nam – MSCI công bố đảo danh mục
- 06/11 Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế tháng 10 và 10 tháng
- 07/11 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Thay đổi việc làm phi nông nghiệp
- 09/11 Trung Quốc - CPI, PPI y/y
- 13/11 Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
- 14/11 Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI), Doanh số bán lẻ
- Việt Nam - Đảo hạn phái sinh
- 20/11 Mỹ - Biên bản cuộc họp FOMC  
Trung Quốc – Lãi suất cho vay cơ bản
- 26/11 Mỹ - Công bố số điều chỉnh GDP, PCE lõi
- 30/11 Cuộc họp OPEC

### THÔNG TIN VĨ MÔ

**Ông Trump chính thức giảm thuế cho Trung Quốc và đình chiến thương mại thêm một năm:** Từ ngày 10/11, Mỹ sẽ chính thức giảm thuế liên quan đến fentanyl cho hàng hóa Trung Quốc từ 20% xuống 10%, đồng thời gia hạn thỏa thuận đình chiến thương mại thêm một năm. Tổng mức thuế trung bình áp lên hàng hóa Trung Quốc sẽ giảm từ 57% xuống 47%. Ông Trump dự kiến sẽ sang thăm Trung Quốc trong nửa đầu năm 2026 và tiếp đón ông Tập tại Mỹ vào một thời điểm sau đó.

**Dư nợ trái phiếu doanh nghiệp đến cuối quý III/2025 đạt 1,27 triệu tỷ đồng:** Số liệu thống kê của Hiệp hội Thị trường trái phiếu Việt Nam (VBMA) cho biết, dư nợ trái phiếu doanh nghiệp cuối quý III/2025 đạt 1,27 triệu tỷ đồng, tương đương 7,4% tổng dư nợ tín dụng của cả nền kinh tế và tăng khoảng 6% so với thời điểm cuối 2024. Trong Q3/2025, ngân hàng tiếp tục là nhóm ngành phát hành nhiều nhất với 90.777 tỷ đồng, chiếm 70,2%. Bất động sản đứng thứ hai với 27.778 tỷ đồng, tương đương 21,5%.

### THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

**PVS sẽ phát hành hơn 33,4 triệu cổ phiếu trả cổ tức tăng vốn, tỷ lệ 7%:** Công ty dự kiến phát hành hơn 334,5 tỷ đồng cổ phiếu từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2024 để tăng vốn điều lệ lên 5,114.2 tỷ đồng trong năm 2025. Doanh thu quý III/2025 tăng gấp đôi đạt 9,630 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế tăng 73% lên 334 tỷ đồng. Lũy kế 9 tháng, doanh thu vượt 23,000 tỷ, lợi nhuận đạt 949 tỷ đồng, lần lượt tăng 63% và 34%, vượt kế hoạch năm. Việc tăng vốn hỗ trợ chiến lược phát triển ngành dầu khí và năng lượng tái tạo giai đoạn 2025–2030.

**GVR - ĐHCĐ bất thường Tập đoàn Cao su Việt Nam: Chuẩn bị đầu tư 2.604 ha khu công nghiệp từ đất cao su chuyển đổi:** Năm 2025, GVR đối diện biến động địa chính trị toàn cầu và thời tiết cực đoan, ảnh hưởng năng suất cao su với thiệt hại 465,221 cây. Doanh thu hợp nhất 10 tháng đạt 25,888 tỷ đồng (83.4% kế hoạch), lợi nhuận trước thuế 6,420 tỷ đồng (109.9%). Mục tiêu doanh thu cả năm 32,007 tỷ đồng; lợi nhuận 6,929 tỷ đồng. Giá cao su tăng, dự kiến duy trì hoặc giảm nhẹ. Lĩnh vực khu công nghiệp đạt 50.8% kế hoạch trong năm, chuẩn bị đầu tư 2,604 ha đất cao su chuyển đổi tại nhiều tỉnh.

**KBC - Kinh Bắc bắt tay VietinBank, AIC phát triển trung tâm dữ liệu gần 2 tỷ USD tại TP.HCM:** KBC vừa công bố thông tin về việc cùng với Accelerated Infrastructure Capital (AIC) và VietinBank (CTG) ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác phát triển dự án trung tâm dữ liệu quy mô gần 2 tỷ USD. AIC là nền tảng đầu tư và phát triển trung tâm dữ liệu có trụ sở tại London và Hong Kong, với tổng danh mục đầu tư vượt 20 tỷ USD.

**PAN - Tập đoàn PAN bán Bibica cho một công ty Indonesia:** Tập đoàn hàng tiêu dùng Indonesia Sari Murni Abadi (SMA), được biết đến với thương hiệu snack Momogi, vừa hoàn tất thương vụ mua lại CTCP Bibica (HOSE: BBC) của Việt Nam từ PAN Group, đánh dấu bước tiến quan trọng trong chiến lược mở rộng toàn cầu của doanh nghiệp này. Hiện giá trị thương vụ không được tiết lộ.

**Công ty tài sản số của SSI chính thức tăng vốn lên nghìn tỷ:** Chứng khoán SSI thông qua việc tăng vốn điều lệ của công ty con SSI Digital từ 200 tỷ lên 1.000 tỷ đồng, đồng thời mua thêm 15 triệu cổ phần riêng lẻ với giá 10.000 đồng mỗi cổ phần. Đây là bước đi chiến lược nhằm mở rộng hoạt động trong lĩnh vực tài sản số và blockchain, thể hiện sự đầu tư tích cực vào mảng mới có tiềm năng phát triển trong tương lai.

### **Đảm bảo phân tích**

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

### **Định nghĩa xếp loại**

**MUA:** Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

**TĂNG TỶ TRỌNG:** Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

**NẮM GIỮ:** Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

**BÁN:** Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

**GIẢM TỶ TRỌNG:** Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

**KHÔNG XẾP HẠNG:** Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

### **Miễn trừ trách nhiệm**

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

### **© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)**

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

#### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

#### **Chi nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

#### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

#### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

#### **Chi nhánh Tân Bình**

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415